

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2020
V/v: “Tranh chấp không công
nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Nương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Út Hậu

2/ Ông Nguyễn Văn Trãi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tuyết V**, sinh năm 1984. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Lê Minh S**, sinh năm 1983. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đề ngày 02/01/2020 và quá trình giải quyết, vụ án được tóm tắt như sau:

Qua mai mối và tìm hiểu nhau được vài tháng, chị Trần Thị Tuyết V và anh Lê Minh S đã tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, được gia đình

hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, anh chị có một con chung họ và tên là Lê Xuân P (nữ), sinh ngày 07/8/2017.

Chị Trần Thị Tuyết V trình bày: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, có cự cãi nhau và đã hàn gắn tình cảm, kéo dài đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm gia đình, khi chị mang thai thì anh S có người phụ nữ khác nên thường xuyên cự cãi. Anh chị đã cố gắng hòa hợp nhưng không có kết quả nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và cả hai đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện nay mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, bản thân chị không còn tình cảm với anh S, nên chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Sang.

Về con chung: Chị V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Xuân P đến trưởng thành, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Lê Minh S trình bày: Qua quen biết anh và chị V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh chị không tin tưởng nhau về tình cảm nên thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên anh chị đã ly thân nhau từ đó đến nay. Anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị V.

Về con chung: Anh S đồng ý giao con Lê Xuân P (nữ), sinh ngày 07/8/2017 cho chị V nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị thống nhất xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Tuyết V và anh Lê Minh S được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn nên chị V khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh S nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp

không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại quận M, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị V và anh S chung sống như vợ chồng vào năm 2015 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Xét thấy, trong khoảng thời gian anh chị chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị V và anh S đều thống nhất cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm nên thường xuyên cự cãi nhau, hôn nhân không đạt được mục đích, thời gian sống ly thân cả hai không ai quan tâm ai vì hiện tại mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã thật sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị V và anh S đều yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là có cơ sở và phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh S thống nhất có một con tên Lê Xuân P (nữ), sinh ngày 07/8/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện con chung Lê Xuân P dưới 36 tháng tuổi, đang sống ổn định với chị V. Nay anh chị thống nhất giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị V không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh S cùng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8, 9, 14, 15, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tuyết V và anh Lê Minh S.

- Về con chung: Giao con chung họ và tên: Lê Xuân P (nữ), sinh ngày 07/8/2017 cho chị Trần Thị Tuyết V trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Chị Trần Thị Tuyết V không yêu cầu anh Lê Minh S cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Lê Minh S, không ai được quyền ngăn cản anh S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết V phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu số 010765 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (chị V đã nộp xong án phí).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Lưu Thị Hồng Nương